

Số: 27/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI nguồn vốn vay nước ngoài giai đoạn 2011 - 2016

| | |
|-----------|----------------|
| CV ĐẾN | Số: 16/36 |
| | Ngày: 23/02/18 |
| | Chuyên: |

Thực hiện Công văn số 3657/VPQH-GS ngày 27/12/2017 của Văn phòng Quốc hội; Công văn số 479/BKHĐT-KTĐN ngày 24/01/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài giai đoạn 2011-2016; UBND tỉnh kính báo cáo như sau:

I. Khái quát chung

1. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện dự án

- Giai đoạn 2011-2016, thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện dự án, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ dự án, đảm bảo các dự án triển khai đúng tiến độ cam kết với Nhà tài trợ theo từng chương trình, dự án.

- Trên cơ sở quyết định phân bổ vốn từ Trung ương, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có các quyết định phân bổ nguồn vốn kịp thời, các dự án thực hiện trong kế hoạch theo đúng mức vốn đã giao, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, các dự án chuyển tiếp, sớm hoàn thành các công trình, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

- Trong quá trình điều hành ngân sách, ngoài nguồn vốn giao đầu năm, UBND tỉnh đã cân đối các nguồn lực, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương và tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để bổ sung kịp thời cho các dự án quan trọng, cấp bách nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

2. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật

Công tác vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn các chương trình, dự án ODA được quy định trực tiếp bởi các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn sau:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18/6/2014.

- Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công.

- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

- Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Thông tư 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

- Thông tư 04/2007/TT-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA (ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ).

- Thông tư số 03/2007/TT-BKH ngày 12/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban QLDA chương trình, dự án ODA.

- Quyết định số 803/QĐ-BKHĐT ngày 30/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình dự án ODA.

3. Công tác lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện công trình, dự án hàng năm

Hàng năm, UBND tỉnh đều chỉ đạo sâu sát cơ quan quản lý chuyên ngành để đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án cũng như công tác chỉ đạo điều hành, tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn của các dự án, những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế và đề ra những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch của năm sau.

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác. Các sở, ngành và địa phương căn cứ theo Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ, kế hoạch tổng thể của từng dự án được phê duyệt, lập kế hoạch vốn đầu tư cho

các dự án gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định. Việc bố trí kế hoạch vốn nước ngoài hàng năm được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho địa phương, trên cơ sở đó, UBND tỉnh thông báo kế hoạch vốn nước ngoài hàng năm cho Chủ đầu tư. Ngoài ra, đối với một số dự án Ô thì việc điều tiết phân bổ kế hoạch vốn nước ngoài do Bộ chuyên ngành phân bổ.

Trong quá trình các Chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án, định kỳ UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án, qua đó nắm bắt khó khăn, vướng mắc của dự án để đề xuất biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc.

II. Tình hình thu hút, quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi giai đoạn 2011-2016

1. Công tác vận động, thu hút nguồn vốn chương trình, dự án ODA

Trong giai đoạn 2011-2016, được sự quan tâm của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp xúc vận động, thu hút các dự án ODA và vốn vay ưu đãi để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tại tỉnh nhằm góp phần phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và giảm nghèo một cách bền vững. Kết quả trong giai đoạn 2011 - 2016, tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận 14 dự án ODA và vốn vay ưu đãi với tổng vốn tài trợ là 1.383 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ngãi đã đề xuất nhiều dự án trong các lĩnh vực như: y tế, nông nghiệp, hạ tầng giao thông, hạ tầng kinh tế - xã hội, trồng rừng...và đến nay đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành Trung ương ghi nhận, có phản hồi tích cực.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân dự án

Trong giai đoạn 2011 - 2016, tỉnh Quảng Ngãi có 31 chương trình, dự án ODA triển khai trên địa bàn tỉnh, trong đó có 17 dự án chuyển tiếp, 14 dự án khởi công mới. Các dự án triển khai đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần tích cực, to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổng vốn đầu tư của 31 dự án là 3.492 tỷ đồng, trong đó vốn nước ngoài 2.853 tỷ đồng, vốn đối ứng 639 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay ODA, vốn viện trợ, vốn đối ứng ngân sách tỉnh và vốn khác.

| TT | Lĩnh vực đầu tư | Số dự án | Tổng mức đầu tư (tr.đ) | Trong đó vốn ODA (tr.đ) |
|-----------|-------------------------|-----------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Nông nghiệp, giảm nghèo | 12 | 1.841.115 | 1.542.274 |

| | | | | |
|---|---|----|---------|---------|
| 2 | Giao thông vận tải | 05 | 134.096 | 93.941 |
| 3 | Năng lượng | 01 | 327.389 | 284.032 |
| 4 | Cấp, thoát nước | 01 | 49.830 | 30.000 |
| 5 | Y tế | 4 | 341.127 | 284.070 |
| 6 | Giáo dục đào tạo | 4 | 209.780 | 142.788 |
| 7 | Tài nguyên, môi trường | 2 | 383.027 | 326.810 |
| 8 | Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh | 2 | 205.980 | 149.033 |

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Đóng góp của nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi đã và đang đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2016 theo ngành, lĩnh vực như sau:

- *Lĩnh vực nông nghiệp, giảm nghèo*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện giai đoạn 2011-2016 đạt 626,06 tỷ đồng, chiếm 59,19% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài. Nguồn vốn ODA đã hỗ trợ phát triển hệ thống thủy lợi như: Tiểu dự án Trà Câu, dự án Khôi phục các hồ chứa nước quy mô nhỏ, dự án Phát triển nông thôn tổng hợp; hỗ trợ phát triển trồng rừng phòng hộ, rừng ven biển, rừng lâm sinh như: dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp, dự án Phục hồi và quản lý rừng bền vững; hỗ trợ phát triển sinh kế, kinh tế - xã hội các huyện nghèo miền núi: dự án Giảm nghèo khu vực Tây nguyên.

- *Lĩnh vực giao thông vận tải*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện đạt 82,38 tỷ đồng, chiếm 7,78% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài giai đoạn này. Việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển hệ thống giao thông đã làm chuyển biến và thay đổi đáng kể kết cấu hạ tầng giao thông, thay đổi bộ mặt nông thôn, miền núi, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông từ trung tâm tỉnh lỵ và các đầu mối giao thông quan trọng. Trong giai đoạn này, nhiều dự án đã hoàn thành, được đưa vào khai thác như: dự án đường Trà Giang - Trà Thủy, đường Tân Hòa - Trũng Kè II - Trũng Kè I, Cầu Sông Liên - Ba Cung,...

- *Lĩnh vực năng lượng*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện đạt 39,94 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,76% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài. Nhờ nguồn vốn này, chất lượng lưới điện hạ áp nông thôn sau đầu tư đã được cải thiện rõ rệt, an toàn và mỹ quan hơn, điện áp cuối nguồn tăng, tổn thất điện năng giảm, đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- *Lĩnh vực cấp thoát nước*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện đạt 28,44 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,68% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài. Dự án hoàn thành đi vào hoạt động với công suất 3.000 m³/ngày đêm đã góp phần cải thiện chất lượng nước cho các hộ dân vùng dự án.

- *Lĩnh vực y tế*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện đạt 28,44 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,68% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài. Các dự án đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật cho công tác khám và chữa bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế thông qua việc cung cấp trang thiết bị y tế cơ bản, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách và nâng cao năng lực quản lý ngành y tế.

- *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện đạt 60,36 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,71% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài. Các dự án góp phần hỗ trợ phát triển ngành giáo dục và đào tạo ở các cấp học Trung học cơ sở cho đến giáo dục Cao đẳng.

- *Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường*: tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện đạt 58,17 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 5,49% trong cơ cấu nguồn vốn nước ngoài. Các dự án góp phần cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực về cơ sở dữ liệu lĩnh vực đất đai trên địa bàn.

III. Đánh giá công tác thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

Công tác thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2011 - 2016 có những mặt tích cực và tồn tại, hạn chế sau đây:

1. Mặt tích cực

- Nguồn vốn ODA đã góp phần tích cực và đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Các công trình có sử dụng vốn ODA đã bổ sung, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của cộng đồng dân cư nông thôn, miền núi, khu vực còn nhiều khó khăn; góp phần xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục, y tế, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng khám, chữa bệnh cho cộng đồng, góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế, cải thiện dịch vụ xã hội, giảm nghèo. Nguồn vốn ODA có trong hầu hết các ngành, lĩnh vực, đời sống của người dân, từ nông nghiệp, công nghiệp đến giao thông vận tải, cấp thoát nước, tài nguyên môi trường, giáo dục, y tế... Ngoài ra, ODA cũng góp phần tăng cường năng lực cán bộ quản lý ở các cấp, nhất là cán bộ ở cấp huyện, xã.

- Công tác quản lý các chương trình, dự án ODA đều được thực hiện đúng theo quy định của Chính phủ Việt Nam và quy định của Nhà tài trợ. Phần lớn

vốn ODA, đặc biệt là vốn ODA sử dụng để thực hiện các công trình xây dựng, đều được quản lý, cấp phát thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước các cấp, có kiểm soát chi theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Có một số dự án, sau khi đã có kiểm soát chi tại Kho bạc cấp tỉnh, phải được Ban quản lý dự án thuộc Bộ trực tiếp kiểm tra trước khi giải ngân. Trong một số dự án, phần vốn ODA sử dụng để thực hiện các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật trong nông nghiệp, các hoạt động đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, năng lực quản lý của cộng đồng theo yêu cầu của Nhà tài trợ, Nhà tài trợ (thông qua Nhà thầu quản lý) trực tiếp quản lý và giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng thông qua hệ thống Ngân hàng. Một số dự án có phần vốn ODA được sử dụng để cho các đối tượng hưởng lợi vay và Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT hoặc Ngân hàng chính sách được giao nhiệm vụ quản lý, giải ngân phần vốn này, cho vay theo quy định của dự án. Ngoài ra, trong một số chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, có Nhà thầu quản lý của Nhà tài trợ trực tiếp phối hợp với các đơn vị của tỉnh để thực hiện chương trình, dự án, phần vốn ODA của chương trình, dự án được sử dụng cho bộ máy quản lý của Nhà thầu do Nhà thầu trực tiếp quản lý, chi tiêu theo quy định của Nhà tài trợ. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên có những chỉ đạo sâu sát, tổ chức họp giao ban định kỳ để kiểm tra, thúc đẩy tiến độ và kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của dự án. Đồng thời, vốn đối ứng được ưu tiên bố trí theo đúng tiến độ triển khai thực hiện dự án.

- Các sở, ngành, địa phương đã nỗ lực tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và có giải pháp khắc phục kịp thời, để công tác phối hợp, quản lý, sử dụng đạt hiệu quả cao hơn.

2. Những tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những kết quả nêu trên, việc thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi trong thời gian qua còn tồn tại một số hạn chế và bất cập:

- Về cơ chế, chính sách, quy trình và thủ tục: Một số dự án có thời gian vận động, thu hút nhà tài trợ kéo dài 3 - 5 năm dẫn đến không đáp ứng được tính cấp thiết đầu tư của dự án.

- Về công tác chuẩn bị, tổ chức và thực hiện: Chất lượng một số dự án chưa cao, có thiết kế phức tạp (các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi vừa phải tuân thủ theo quy định của Việt Nam vừa phải tuân thủ quy định của Nhà tài trợ), chưa sát thực tế, trong quá trình thực hiện phải tiến hành điều chỉnh cho phù hợp, nên làm kéo dài thời gian chuẩn bị và thực hiện dự án. Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi chậm so với kế hoạch.

- Việc triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư của một số dự án chưa đáp ứng được yêu cầu nên làm chậm tiến độ đầu tư các dự án.

- Năng lực của các Ban quản lý dự án còn hạn chế và hoạt động thiếu chuyên nghiệp, do công tác đào tạo cán bộ quản lý dự án chưa được chuẩn hóa, nhân sự quản lý dự án biến động.

- Về công tác giám sát và đánh giá: Tính đồng bộ, thống nhất và kịp thời về thông tin, dữ liệu ODA chưa cao; các chủ dự án, ban quản lý dự án chưa tuân thủ nghiêm chế độ báo cáo; công tác đánh giá dự án sau khi được đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng chưa được quan tâm đúng mức.

- Khả năng tiếp cận nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ của tỉnh Quảng Ngãi chưa cao, cần được nâng lên trong thời gian đến.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống văn bản, chính sách của Việt Nam không ổn định. Các quy định của một số nhà tài trợ và Việt Nam có sự khác biệt, gây khó khăn trong quá trình thực hiện và giải ngân nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

- Quy trình, thủ tục quản lý và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của Chính phủ và nhà tài trợ chưa hài hòa, còn tồn tại nhiều khác biệt, đã tác động đến tình hình thực hiện các dự án ODA và vốn vay ưu đãi.

- Thông tin về nguồn vốn và cách tiếp cận đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi còn hạn chế nên khó khăn cho tỉnh trong công tác tiếp cận, vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

- Quảng Ngãi vẫn là tỉnh nghèo, có 06 huyện miền núi thuộc Chương trình 30a, có 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển nên điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn vốn chi đầu tư phát triển còn hạn chế; trong điều kiện tỉnh Quảng Ngãi còn nhiều khó khăn, tỷ lệ cho vay lại cao (*Theo Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017 của Chính phủ, tỷ lệ vay lại vốn vay ODA của tỉnh là 50%*) nên khả năng tiếp cận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của tỉnh gặp nhiều khó khăn.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Năng lực tổ chức, quản lý trong thu hút, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các chủ dự án mặc dù được bồi dưỡng, cải thiện đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, còn thiếu tính chuyên nghiệp; cán bộ tham gia các ban quản lý dự án ODA và vốn vay ưu đãi còn thiếu kinh nghiệm, yếu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý và trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp với người nước ngoài,... nên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân và hiệu quả của dự án.

- Năng lực của các nhà tư vấn dự án và các nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị trong tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng để hỗ trợ việc thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi có hiệu quả.

- Công tác theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của Chủ dự án đôi lúc chưa kịp thời; việc thực hiện chế độ báo cáo của các ban quản lý dự án chưa đầy đủ theo quy định.

4. Những kinh nghiệm và bài học

- Để vận động, thu hút được nhiều dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về danh mục dự án kêu gọi và phải xây dựng chương trình vận động, thu hút cụ thể. Trên cơ sở đó, chủ động làm việc với các Bộ, ngành Trung ương và các nhà tài trợ để sớm xác định được nhà tài trợ.

- Để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, phải xây dựng nội dung, mục tiêu của dự án sát với nhu cầu thực tế của địa phương; các sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh cần có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo tiến độ theo cam kết với nhà tài trợ.

- Để sớm triển khai thực hiện đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, phải chuẩn bị đầy đủ phần vốn đối ứng của tỉnh để tham gia dự án; làm tốt công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý dự án.

5. Các giải pháp thực hiện

a) Nâng cao năng lực thu hút vốn ODA và vốn vay ưu đãi

- Chủ động xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư, chương trình vận động, thu hút đầu tư các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Đồng thời tăng cường mối quan hệ với các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ nước ngoài, để tiếp nhận thông tin, tư vấn trong việc vận động, thu hút vốn ODA và vốn vay ưu đãi.

- Thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị với các tổ chức tài trợ, giới thiệu nhu cầu sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của tỉnh trên mạng Internet, trên các phương tiện thông tin khác như giới thiệu trên sách, tạp chí, báo, để kêu gọi sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan Trung ương, cũng như các nhà tài trợ song phương và đa phương trên thế giới.

- Định kỳ hàng năm tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ và cử tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về chính sách, thể chế, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho đội ngũ cán bộ làm công tác vận động, thu hút và thực hiện dự án ODA và vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh để có trình độ chuyên môn về kinh tế và quản lý giỏi, có trình độ về ngoại ngữ tin học, có đầy đủ bản lĩnh và năng lực để sẵn sàng hợp tác và làm việc trong các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi.

b) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA

- Các dự án được lựa chọn để sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi là các dự án thuộc các lĩnh vực ưu tiên, cấp thiết của tỉnh, có tác động lớn đến kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Mục tiêu của các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi sát với nhu cầu thực tế của địa phương, chất lượng của dự án phải có tính khả thi cao, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi khi phê duyệt phải xác định rõ nguồn vốn đối ứng của tỉnh; Có kế hoạch bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi kịp thời để đáp ứng tiến độ thực hiện dự án theo cam kết nhà tài trợ.

- Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; Có kế hoạch giải ngân vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các dự án kịp thời, để tạo điều kiện về tài chính cho các nhà thầu tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá các dự án nhằm khắc phục những yếu kém trong quá trình thực hiện dự án và quản lý nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi một cách có hiệu quả, đạt được những mục tiêu đã đề ra. Đồng thời, tạo điều kiện để người dân có thể trực tiếp tham gia và quản lý dự án.

- Tăng cường đào tạo và nâng cao năng lực quản lý điều hành của các Ban quản lý dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý.

c) Giải quyết tốt vấn đề liên quan đến đất đai:

- Thực hiện tốt các quy định của Luật Đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành. Tập trung làm tốt công tác quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh, các huyện và các xã nhằm phục vụ kịp thời cho phát triển kinh tế - xã hội của các vùng trong tỉnh và thu hút các dự án đầu tư.

- Tập trung chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư và coi đây là trách nhiệm của các cấp, các ngành nhằm bảo đảm khởi công và hoàn thành chương trình, dự án theo đúng

tiến độ đã được thoả thuận với nhà tài trợ. Chủ động phối hợp một cách tích cực đồng bộ với các chủ đầu tư để giải quyết dứt điểm theo từng dự án. Thực hiện tốt các văn bản luật và các văn bản hướng dẫn dưới luật, đặc biệt tập trung làm tốt công tác quy hoạch, chuyển mục đích sử dụng đất, khắc phục cơ bản tình trạng dự án chờ đất. Gắn trách nhiệm việc gây ách tắc, chậm tiến độ đầu tư xây dựng vì lý do giải phóng mặt bằng với chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố và cả ở cấp cơ sở.

IV. Kiến nghị

Để góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm đến, UBND tỉnh đề nghị Đoàn giám sát kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương một số nội dung sau:

- Chính phủ xem xét nới rộng hạn mức tín dụng và hạ thấp tỷ lệ cho vay lại đối với các tỉnh có điều kiện kinh tế còn khó khăn như tỉnh Quảng Ngãi; Đồng thời ưu tiên hỗ trợ các tỉnh này tiếp cận nguồn vốn ODA của các nhà tài trợ để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư công khai minh bạch về công tác vận động vốn ODA và vốn vay ưu đãi, cung cấp các thông tin về nhà tài trợ, các lĩnh vực, điều kiện cung cấp nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của từng nhà tài trợ, theo từng giai đoạn, từng tài khóa cụ thể, tạo điều kiện cho các tỉnh nắm bắt thông tin chính xác, có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp xúc với nhà tài trợ, chủ động nắm bắt thông tin cũng như nâng cao năng lực huy động vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo nhu cầu thực tế của tỉnh.

Trên đây là tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài giai đoạn 2011-2016. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Văn phòng Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu VT, THhtlv18.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

Phụ lục
TỔNG HỢP CÁC CHƯƠNG TRÌNH ODA TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
THỜI GIAN ĐOẠN 2011-2016

(Kèm theo Báo cáo Tổng kết Dự án 22 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

| TT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Đầu mối giao kế hoạch | Địa điểm thực hiện | Thời gian BB-KT | Giải ngân giai đoạn 2011-2016 | | | | | | | Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016 | | | Phân cấp quản lý (TW/tỉnh) | Cơ quan quản lý | Ghi chú | | | | | | |
|---|---|-------------|------------------------|--------------------|-----------------|-------------------------------|---|--------------------------|--------------|-------------|----------------|----------|---------------------------------|----------------|-------------|----------------------------|-----------------|-----------|---------|----------------|-------------|--------------------------|---------------------|----------------|
| | | | | | | Quyết định đầu tư | Tổng vốn | Trong đó | | | | | Tổng số | Trong đó | | | | | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | | Vốn nước ngoài | | Vốn đối ứng | | | | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng | | | | | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng | | | |
| | | | | | | | | Vốn ODA | Vốn viện trợ | Tổng số | Vốn đối ứng DP | Vốn khác | | | | | | | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | 3.492.344 | 2.664.667 | 188.281 | 639.396 | - | 606.374 | 33.022 | 1.296.171 | 1.057.610 | 238.561 | 2.263.095 | 1.863.317 | 399.778 | | | | | |
| LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, GIÁM NGHEO | | | | | | | 1.841.115 | 1.527.010 | 15.264 | 298.841 | - | 268.119 | 30.722 | 763.556 | 626.062 | 137.494 | 1.239.868 | 1.020.739 | 219.129 | | | | | |
| 1 | Tiểu dự án Trà Cầu | ADB | Sở Nông nghiệp và PTNT | Mộ Đức | Đức Phổ | 2007-2012 | 3277/QĐ-UBND, 19/12/2006; 936/QĐ-UBND, 08/6/2009; 1646/QĐ-UBND, 24/1/2010; 1450/QĐ-UBND, 03/10/2011 | 262.368 | 185.909 | - | 76.459 | - | 55.633 | 20.826 | 80.648 | 48.367 | 32.281 | 262.368 | 185.909 | 76.459 | TW/tỉnh | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 2 | Chương trình hỗ trợ thực hiện CT 135-2 (ISP) | Úc | Sở Kế hoạch và Đầu tư | 06 huyện miền núi | | 2008-2012 | 2631/QĐ-UBND, 19/11/2007 | 146.000 | 126.000 | - | 20.000 | - | 20.000 | - | 15.385 | 512 | 14.873 | 128.299 | 109.000 | 19.299 | TW/tỉnh | Ủy ban dân tộc/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 3 | Khôi phục các hồ chứa nước quy mô nhỏ tỉnh Quảng Ngãi | JICA | Sở Nông nghiệp và PTNT | Bình Sơn | Mộ Đức | Đức Phổ | 2010-2012 | 1558/QĐ-UBND, 05/11/2010 | 150.651 | 128.485 | - | 22.166 | - | 22.166 | - | 133.350 | 120.000 | 13.350 | 146.437 | 128.000 | 18.437 | TW/tỉnh | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp |
| 4 | Trồng rừng trên đất cát ven biển (PACSA 2) | JICA | Sở Nông nghiệp và PTNT | Bình Sơn | Đức Phổ | 2010-2014 | 2551/QĐ-BQLĐALN, 21/12/2010; 2495/QĐ-BNN-HTQT, 24/10/2011 | 99.481 | 97.931 | - | 1.550 | - | 1.550 | - | 99.431 | 97.931 | 1.500 | 99.481 | 97.931 | 1.550 | TW/tỉnh | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 5 | Nâng cao năng lực thích ứng với thiên tai | JICA | Sở Nông nghiệp và PTNT | Bình Sơn | Mộ Đức | 2009-2011 | 1333/QĐ-BNN-HTQT ngày 19/5/2010 | 9.428 | - | 8.600 | 828 | - | 828 | - | 7.500 | 7.500 | - | 9.428 | 8.600 | 828 | TW/tỉnh | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |

| TT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Đầu mối giao kế hoạch | Địa điểm thực hiện | Thời gian BD-KT | Tổng mức đầu tư | | | | | | Giải ngân giai đoạn 2011-2016 | | | Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016 | | | Phân cấp quản lý (TW/tỉnh) | Cơ quan quản lý | Ghi chú | |
|-----------|--|-------------|------------------------|-------------------------------------|-----------------|--|----------|----------------|--------------|-------------|-------------|-------------------------------|---------|----------------|---------------------------------|---------|----------------|----------------------------|-----------------|---------------------|----------------|
| | | | | | | Quyết định đầu tư | Tổng vốn | Trong đó | | | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | | | | | | Vốn nước ngoài | | Vốn đối ứng | | | | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài | | | | Vốn đối ứng |
| | | | | | | | | Vốn ODA | Vốn viện trợ | Tổng số | Vốn đối ứng | Vốn đối ứng DP | | | | | | | | | |
| 6 | Phát triển nông thôn tổng hợp | ADB + AFD | Sở Nông nghiệp và PTNT | Mộ Đức, Đức Phò, Sơn Tịnh, Bình Sơn | 2008-2013 | 1030,1031,1032/QĐ-UBND, 02/8/2010 | 162.448 | 137.151 | - | 25.297 | - | 17.306 | 7.991 | 66.798 | 50.682 | 16.116 | 157.235 | 131.938 | 25.297 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp |
| 7 | Phát triển ngành Lâm nghiệp | WB | Sở Nông nghiệp và PTNT | Trà Bồng, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Ba Tơ | 2005-2015 | 2741/QĐ-BNN, 08/11/2011; 1506/QĐ-UBND, 16/10/2014 | 122.938 | 100.996 | - | 21.942 | - | 20.037 | 1.905 | 75.915 | 59.844 | 16.071 | 117.233 | 95.979 | 21.254 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp |
| 8 | Khôi phục và Quản lý rừng bền vững KFW6 | Đức | Sở Nông nghiệp và PTNT | Nghĩa Hành, Đức Phò, Tư nghĩa | 2005-2016 | 1165/QĐ-BNN-HTQT, 05/5/2010; 720/QĐ-UBND, 17/5/2012; 584/QĐ-BNN-KH, 29/02/2016 | 46.780 | 28.309 | - | 18.471 | - | 18.471 | - | 15.528 | 5.773 | 9.755 | 46.780 | 28.309 | 18.471 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp |
| 9 | Khí sinh học ngành chăn nuôi | Hà Lan | Sở Nông nghiệp và PTNT | 11 huyện, thành phố | 2007-2015 | 868/QĐ-UBND, 16/6/2011; 285/QĐ-UBND, 28/02/2013; 1052/QĐ-UBND, 25/7/2014; 363/QĐ-UBND, 20/3/2015 | 8.636 | - | 6.664 | 1.972 | - | 1.972 | - | 3.859 | 2.352 | 1.507 | 7.465 | 1.972 | 5.493 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp |
| 10 | Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên tỉnh Quảng Ngãi | WB | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây | 2014-2019 | 1534/QĐ-UBND, 23/10/2013 | 337.818 | 319.341 | - | 18.477 | - | 18.477 | - | 78.970 | 70.198 | 8.772 | 78.970 | 70.198 | 8.772 | Bộ KHĐT/UBND tỉnh | DA KC mới |
| 11 | Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ | JICA | Sở Nông nghiệp và PTNT | Ba Tơ, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà | 2012-2021 | 1417/QĐ-UBND, 26/9/2012; 1658/QĐ-UBND, 06/9/2017 | 201.986 | 177.141 | - | 24.845 | - | 24.845 | - | 133.598 | 123.232 | 10.366 | 133.598 | 123.232 | 10.366 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA KC mới |
| 12 | Dự án Quản lý Thiên tai | WB | Sở Nông nghiệp và PTNT | | | | 292.581 | 225.747 | - | 66.834 | - | 66.834 | - | 52.574 | 39.671 | 12.903 | 52.574 | 39.671 | 12.903 | | |
| Trong đó: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| - | TDA Đập Đức Lợi | | | Mộ Đức | 2013-2016 | 2113/QĐ-UBND, 30/12/2013 | 66.619 | 52.167 | - | 14.452 | - | 14.452 | - | 44.813 | 38.671 | 6.142 | 44.813 | 38.671 | 6.142 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA KC mới |
| - | TDA Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á (giai đoạn 2) | | | Đức Phò | 2013-2017 | 2200/QĐ-UBND, 31/12/2013 | 185.132 | 136.833 | - | 48.299 | - | 48.299 | - | 5.761 | - | 5.761 | 5.761 | - | 5.761 | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA KC mới |

| TT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Đầu mối giao kế hoạch | Địa điểm thực hiện | Thời gian BB-KT | Tổng mức đầu tư | | | | | | Giải ngân giai đoạn 2011-2016 | | | Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016 | | | Phân cấp quản lý (TW/tỉnh) | Cơ quan quản lý | Ghi chú | | | |
|-----|---|-------------|-----------------------|-----------------------------|-----------------|---|----------|----------------|--------------|-------------|-------------|-------------------------------|---------|----------|---------------------------------|---------|-------------|----------------------------|-----------------|---------|--------------------------|----------------|-------------|
| | | | | | | Quyết định đầu tư | Tổng vốn | Vốn nước ngoài | | Vốn đối ứng | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | | | | Vốn ODA | Vốn viện trợ | Tổng số | Vốn đối ứng | Vốn đối ứng DP | | Vốn khác | Vốn nước ngoài | | Vốn đối ứng | | | | Tổng số | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | TDA Hợp phần 3 | | | Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành | 2015-2018 | 2021/QĐ-UBND, 11/11/2015 | 40.830 | 36.747 | - | 4.083 | - | 4.083 | - | 2.000 | 1.000 | 1.000 | 2.000 | 1.000 | 1.000 | TW/tỉnh | Bộ NNPTNT/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| II | LĨNH VỰC GIAO THÔNG-VẬN TÀI | | | | | | 134.096 | 74.341 | 19.600 | 40.155 | - | 37.855 | 2.300 | 107.543 | 82.380 | 25.163 | 125.324 | 92.121 | 33.203 | | | | |
| 13 | Đường Trà Giang - Trà Thủy | JICA | UBND huyện Trà Bồng | Trà Bồng | 2010-2013 | 2226/QĐ-UBND, 12/12/2008; 707/QĐ-UBND, 11/5/2012; 1209/QĐ-UBND, 30/8/2013 | 33.616 | 20.741 | - | 12.875 | - | 12.875 | - | 15.835 | 11.000 | 4.835 | 33.616 | 20.741 | 12.875 | TW/tỉnh | UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 14 | Cầu Sông Liên - Ba Cung | JICA | UBND huyện Ba Tơ | Ba Tơ | 2012-2014 | 963/QĐ-UBND, 28/6/2012 | 42.507 | 29.600 | - | 12.907 | - | 12.907 | - | 34.944 | 27.780 | 7.164 | 34.944 | 27.780 | 7.164 | TW/tỉnh | UBND tỉnh | DA KC mới | |
| 15 | Đường Tân Hòa - Trưng Kê II-Trưng Kê I | JICA | UBND huyện Nghĩa Hành | Nghĩa Hành | 2014-2016 | 1197/QĐ-UBND, 29/8/2013; 860/QĐ-UBND, 14/6/2014 | 33.773 | 24.000 | - | 9.773 | - | 9.773 | - | 33.773 | 24.000 | 9.773 | 33.773 | 24.000 | 9.773 | TW/tỉnh | UBND tỉnh | DA KC mới | |
| 16 | Xây dựng cầu Trung Mỹ, huyện Nghĩa Hành | Cô-océt | UBND huyện Nghĩa Hành | Nghĩa Hành | 2014-2015 | 1202/QĐ-UBND, 27/8/2014 | 13.000 | - | 10.000 | 3.000 | - | 1.500 | 1.500 | 11.791 | 10.000 | 1.791 | 11.791 | 10.000 | 1.791 | TW/tỉnh | UBND tỉnh | DA KC mới | |
| 17 | Đường La Hà đi Nghĩa Thuận | Cô-océt | UBND huyện Tư Nghĩa | Tư Nghĩa | 2014-2015 | 1600/QĐ-UBND, 30/10/2014 | 11.200 | - | 9.600 | 1.600 | - | 800 | 800 | 11.200 | 9.600 | 1.600 | 11.200 | 9.600 | 1.600 | TW/tỉnh | UBND tỉnh | DA KC mới | |
| III | LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG | | | | | | 327.389 | 284.032 | - | 43.357 | - | 43.357 | - | 49.094 | 39.945 | 9.149 | 327.389 | 284.032 | 43.357 | | | | |
| 18 | Năng lượng nông thôn II | WB | Sở Công Thương | Các huyện | 2004-2013 | 2088/QĐ-CT, 26/8/2004; 1334/QĐ-UBND, 24/8/2009 | 327.389 | 284.032 | - | 43.357 | - | 43.357 | - | 49.094 | 39.945 | 9.149 | 327.389 | 284.032 | 43.357 | TW/tỉnh | Bộ Công Thương/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| IV | LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC | | | | | | 49.830 | 30.000 | - | 19.830 | - | 19.830 | - | 39.772 | 28.442 | 11.330 | 39.772 | 28.442 | 11.330 | | | | |
| 19 | Hệ thống cấp nước thị trấn Di Lăng | JICA | UBND huyện Sơn Hà | Sơn Hà | 2010-2015 | 708/QĐ-UBND, 24/4/2009; 708/QĐ-UBND, 11/5/2012; 2034/QĐ-UBND, 13/11/2015 | 49.830 | 30.000 | - | 19.830 | - | 19.830 | - | 39.772 | 28.442 | 11.330 | 39.772 | 28.442 | 11.330 | TW/tỉnh | Bộ KHĐT/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| V | LĨNH VỰC Y TẾ | | | | | | 341.127 | 279.686 | 4.384 | 57.057 | - | 57.057 | - | 94.447 | 77.997 | 16.450 | 227.779 | 201.242 | 26.537 | | | | |

| TT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Đầu mối giao kế hoạch | Địa điểm thực hiện | Thời gian BD-KT | Tổng mức đầu tư | | | | | | | Giải ngân giai đoạn 2011-2016 | | | Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016 | | | Phân cấp quản lý (TW/tỉnh) | Cơ quan quản lý | Ghi chú | | |
|-----|---|-------------|-------------------------------|--------------------------------------|-----------------|---|----------------|----------------|--------------|---------------|-------------|----------------|-------------------------------|----------------|---------------|---------------------------------|----------------|---------------|----------------------------|-----------------|------------------------|-------------------|-----------|
| | | | | | | Quyết định đầu tư | Tổng vốn | Trong đó | | | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | | | | Vốn nước ngoài | | Vốn đối ứng | | | | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng | | | | | |
| | | | | | | | | Vốn ODA | Vốn viện trợ | Tổng số | Vốn đối ứng | Vốn đối ứng ĐP | | | | | | | | | | Vốn khác | |
| 20 | Hỗ trợ Hệ thống Y tế dự phòng | ADB | Sở Y tế | Các huyện | 2006-2012 | 184/QĐ-UBND, 25/01/2006 | 10.920 | 5.341 | 4.384 | 1.195 | - | 1.195 | - | 1.236 | 786 | 450 | 10.920 | 9.725 | 1.195 | TW/tỉnh | Bộ Y tế/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 21 | Xử lý chất thải BVĐK Đặng Thùy Trâm | WB | Sở Y tế | Đức Phò | 2013-2018 | 2096/QĐ-UBND, 25/12/2013 | 6.996 | 5.773 | - | 1.223 | - | 1.223 | - | 5.885 | 5.385 | 500 | 5.885 | 5.385 | 500 | TW/tỉnh | Bộ Y tế/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| 22 | Hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung Bộ | ADB | Sở Y tế | Ba Tơ, Sơn Tây, Trà Bồng, Mộ Đức | 2009-2016 | 1392/QĐ-UBND, 04/9/2009 | 204.081 | 180.739 | - | 23.342 | - | 23.342 | - | 80.433 | 66.433 | 14.000 | 204.081 | 180.739 | 23.342 | TW/tỉnh | Bộ Y tế/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 23 | Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện | WB | Sở Y tế | | | | 119.130 | 87.833 | - | 31.297 | - | 31.297 | - | 6.893 | 5.393 | 1.500 | 6.893 | 5.393 | 1.500 | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa tỉnh | | | TP Quảng Ngãi | 2016-2017 | 1967/QĐ-UBND, 30/10/2015 | 29.199 | 24.606 | - | 4.593 | - | 4.593 | - | 6.393 | 5.393 | 1.000 | 6.393 | 5.393 | 1.000 | TW/tỉnh | Bộ Y tế/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| | Hỗ trợ xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung | | | Nghĩa Hành | 2016-2018 | 1592/QĐ-UBND, 31/8/2016 | 89.931 | 63.227 | - | 26.704 | - | 26.704 | - | 500 | - | 500 | 500 | - | 500 | | TW/tỉnh | Bộ Y tế/UBND tỉnh | DA KC mới |
| VI | LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO | | | | | | 209.780 | 142.788 | - | 66.992 | - | 66.992 | - | 74.929 | 60.361 | 14.568 | 136.133 | 94.318 | 41.815 | | | | |
| 24 | Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc | Hàn Quốc | Trường Cao đẳng nghề VN-HQ-QN | TP Quảng Ngãi | 2008-2018 | 2031/QĐ-UBND, 14/9/2007; 965/QĐ-UBND, 12/6/2015; 1896/QĐ-UBND, 13/10/2016 | 102.802 | 58.957 | - | 43.845 | - | 43.845 | - | 29.092 | 25.000 | 4.092 | 90.296 | 58.957 | 31.339 | TW/tỉnh | Bộ LĐ, TB&XH/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 25 | Giáo dục trung học cơ sở khó khăn nhất (giai đoạn 2) | ADB | Sở Giáo dục và Đào tạo | Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức | 2015-2018 | 960/QĐ-UBND, 12/6/2015 | 28.600 | 22.000 | - | 6.600 | - | 6.600 | - | 821 | - | 821 | 821 | - | 821 | TW/tỉnh | Bộ GD&ĐT/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| 26 | Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP) | WB+D FID | Sở Giáo dục và Đào tạo | 9 huyện | 2010-2015 | 109/QĐ-UBND, 19/01/2011; 355/QĐ-UBND, 24/9/2014 | 38.346 | 33.781 | - | 4.565 | - | 4.565 | - | 18.674 | 15.139 | 3.535 | 18.674 | 15.139 | 3.535 | TW/tỉnh | Bộ GD&ĐT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 27 | Chương trình phát triển giáo dục trung học | ADB | Sở Giáo dục và Đào tạo | Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long | 2012-2014 | 1217,1218,1219/QĐ-UBND, 14/8/2012 | 40.032 | 28.050 | - | 11.982 | - | 11.982 | - | 26.342 | 20.222 | 6.120 | 26.342 | 20.222 | 6.120 | TW/tỉnh | Bộ GD&ĐT/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| VII | LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG | | | | | | 383.027 | 326.810 | - | 56.217 | - | 56.217 | - | 62.634 | 58.166 | 4.468 | 62.634 | 58.166 | 4.468 | | | | |

| TT | Tên chương trình, dự án | Nhà tài trợ | Đầu mối giao kế hoạch | Địa điểm thực hiện | Thời gian BD-KT | Tổng mức đầu tư | | | | | | Giải ngân giai đoạn 2011-2016 | | | Lấy kế giải ngân đến 31/12/2016 | | | Phân cấp quản lý (TW/tỉnh) | Cơ quan quản lý | Ghi chú | | | |
|------|--|-------------------|------------------------------|--------------------|-----------------|---|----------|----------------|--------------|-------------|-------------|-------------------------------|---------|----------------|---------------------------------|---------|----------------|----------------------------|-----------------|---------|-----------------|-----------------|----------------|
| | | | | | | Quyết định đầu tư | Tổng vốn | Trong đó | | | | | Tổng số | Trong đó | | Tổng số | Trong đó | | | | | | |
| | | | | | | | | Vốn nước ngoài | | Vốn đối ứng | | | | Vốn nước ngoài | Vốn đối ứng | | Vốn nước ngoài | | | | Vốn đối ứng | | |
| | | | | | | | | Vốn ODA | Vốn viện trợ | Tổng số | Vốn đối ứng | Vốn đối ứng ĐP | | | | | | | | | | Vốn khác | |
| 28 | Cải thiện môi trường đô thị Miền Trung | ADB | Công ty CP môi trường đô thị | TP Quảng Ngãi | 2005-2011 | 2446/QĐ-UBND ngày 16/10/2006 | 259.324 | 203.107 | - | 56.217 | - | 56.217 | - | 4.468 | - | 4.468 | 4.468 | - | 4.468 | TW/tỉnh | BKHĐT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp | |
| 29 | Hoàn thiện và HDH hệ thống quản lý đất đai | WB | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các huyện | 2008-2013 | 236/QĐ-BTNMT, 05/02/2008; 2039/QĐ-BTNMT, 26/11/2012 | 123.703 | 123.703 | - | - | - | - | - | 58.166 | 58.166 | - | 58.166 | 58.166 | - | 58.166 | TW/tỉnh | BTNMT/UBND tỉnh | DA chuyển tiếp |
| VIII | CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU HỖ TRỢ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH | | | | | | 205.980 | - | 149.033 | 56.947 | - | 56.947 | - | 104.196 | 84.257 | 19.939 | 104.196 | 84.257 | 19.939 | | | | |
| 30 | Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Phước, Bình Đông, Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Nhiều nhà tài trợ | Sở Tài nguyên và Môi trường | Bình Sơn | 2015-2019 | 1369/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 | 21.077 | - | 19.033 | 2.044 | - | 2.044 | - | 92.939 | 73.000 | 19.939 | 92.939 | 73.000 | 19.939 | TW/tỉnh | BKHĐT/UBND tỉnh | DA KC mới | |
| 31 | Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi | Nhiều nhà tài trợ | Sở Tài nguyên và Môi trường | TP Quảng Ngãi | 2015-2018 | 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 | 184.903 | - | 130.000 | 54.903 | - | 54.903 | - | 11.257 | 11.257 | - | 11.257 | 11.257 | - | 11.257 | TW/tỉnh | BKHĐT/UBND tỉnh | DA KC mới |